TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-08-2023
V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Cao Văn T,** sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp E, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Mai Thị H**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp E, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Văn T trình bày: Khoảng năm 1994, ông Cao Văn T và bà Mai Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không có ý nghĩa, không thể tiếp tục chung sống nên ông T xin ly hôn với bà H. Ông T và bà H chung sống có 02 con chung là Cao Thị Diễm P, sinh ngày 16/10/1995 và Cao Thị Kiều P1, sinh ngày 08/8/1999, các con đã đủ

tuổi trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên nên ông T không yêu cầu giải quyết. Ông T và bà H chung sống có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết. Ông T và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận ông Cao Văn T và bà Mai Thị H là vợ chồng. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, về tài sản chung không yêu cầu nên không giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn ông Cao Văn T và bà Mai Thị H, nguyên đơn và bị đơn đều đang cư trú tại Ấp E, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà Mai Thị H nhưng bà H đều vắng mặt không rõ lý do. Bà H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn ông T thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà H theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 1994, ông Cao Văn T và bà Mai Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng, tại thời điểm chung sống với nhau cho đến nay thì

ông T và bà H có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở không công nhận ông T và bà H là vợ chồng theo quy tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T và bà H chung sống có 02 con chung là Cao Thị Diễm P, sinh ngày 16/10/1995 và Cao Thị Kiều P1, sinh ngày 08/8/1999, các con hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tin thần phát triển bình thường, có khả năng tự nuôi sống bản thân và ông T có cung cấp giấy khai sinh của các con, Hội đồng xét xử xét thấy các con chung hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, ông T không yêu cầu giải quyết về con chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà H về việc giải quyết đối với con chung, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, ông T không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung ông T xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà H về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: ông Cao Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Cao Văn T và bà Mai Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Cao Văn T và bà Mai Thị H chung sống có 02 con chung là là Cao Thị Diễm P, sinh ngày 16/10/1995 và Cao Thị Kiều P1, sinh ngày 08/8/1999, các con hiện nay đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Cao Văn T và bà Mai Thị H không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Cao Văn T xác định không có nợ chung và bà Mai Thị H cũng không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Cao Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0014803 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. Giá Rai;
- Chi cục THADS Tx. Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ca Kiều Nguyệt